

## NỖ ĐAU HẬU CHIẾN VÀ TINH THẦN HÒA GIẢI TRONG THƠ NGUYỄN PHAN QUẾ MAI

Nguyễn Thị Kim Nhạn

Nghiên cứu viên – Viện Văn học

**Tóm tắt:** Xuất phát từ đề xuất của Viet Thanh Nguyen về “kí ức công bằng” trong việc nhìn nhận về kí ức chiến tranh, bài viết phân tích nỗi đau hậu chiến như một cảm hứng nổi bật, được thể hiện qua nhiều bài thơ trong tập “Tổ quốc gọi tên mình” của nhà thơ Nguyễn Phan Quế Mai. Điểm độc đáo trong cách nhà thơ đề cập đến chủ đề này là sự khắc họa nỗi đau chiến tranh của những con người đến từ nhiều phía của cuộc chiến, từ những người thường dân Việt Nam cho đến các cựu binh Hoa Kỳ cùng thế hệ con cái của họ cũng như những trẻ em miền Nam Việt Nam lưu lạc trước và sau thời điểm kết thúc chiến tranh. Những bài thơ này đã góp phần hàn gắn và hòa giải nỗi đau chiến tranh giữa Việt Nam và nước Mỹ, giữa người Việt Nam với nhau trong cùng một chấn thương lịch sử.

**Từ khóa:** Chấn thương; đối mới; hòa giải dân tộc; kí ức công bằng; văn học hậu chiến.

Nhận bài ngày: 10.12.2025 gửi phản biện, chỉnh sửa, duyệt đăng ngày 29.01.2026

Liên hệ tác giả: Nguyễn Thị Kim Nhạn, email: kimnhannv@gmail.com

### 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Bắt đầu sáng tác vào năm 2006, thời điểm những cây bút nữ như Ly Hoàng Ly, Bình Nguyên Trang, Dạ Thảo Phương, Vi Thùy Linh nổi lên với những cách tân mạnh mẽ từ đề tài đến phong cách sáng tác, Nguyễn Phan Quế Mai xuất hiện nổi bật với những tâm tình, cảm xúc mang đậm tính nữ qua các tập: *Trái cấm* (2008), *Cởi gió* (2010), *Những ngôi sao hình quang gánh* (2011), *Tổ quốc gọi tên mình* (2015)... Ngoài ra, cô còn sáng tác du ký: *Từ tuyết đến mặt trời* (2011), *Hạt muối rong chơi* (2016), ghi lại cảm nhận phong phú và quan sát tinh tế trong quá trình dịch chuyển hơn 40 quốc gia trên thế giới. Bước ngoặt trong sự nghiệp Nguyễn Phan Quế Mai chính là việc cô chuyển hướng sáng tác bằng tiếng Anh. Đến nay, với ba tác phẩm Anh ngữ *The Mountains Sing* (Sơn Ca, tiểu thuyết, 2019) và *Dust Child* (Đời gió bụi, tiểu thuyết, 2023), *The Colour of The Peace* (Màu hòa bình, 2025) được dịch ra nhiều thứ tiếng và nhận được nhiều giải thưởng uy tín trên thế giới, Nguyễn Phan Quế Mai đã khẳng định mình như một tác giả người Việt mang tâm vóc quốc tế.

Các nghiên cứu trước đây về Nguyễn Phan Quế Mai thường ghi nhận cô như một gương mặt tiêu biểu của thơ nữ đương đại, nhấn mạnh vào tính nữ, cái tôi, phong cách lãng mạn của nhà thơ, chẳng hạn: “Lắng nghe Quế Mai” của Phạm Xuân Nguyên (Báo *Tuổi trẻ cuối tuần*, ra ngày 25/9/2010), *Cái tôi trữ tình trong thơ Nguyễn Bảo Chân và Nguyễn Phan Quế Mai* của Nguyễn Thị Hồng Nhung (Luận văn, 2014), “Có một Hà Nội lãng mạn và nhân hậu trong thơ Nguyễn Phan Quế Mai” của Hoàng Khánh Duy (Tạp chí *Người Hà Nội*, ra ngày 20/9/2023),.... Tuy nhiên, từ một cách đọc gần thơ ca với bối cảnh chính trị - xã hội, người viết cho rằng thơ Nguyễn Phan Quế Mai không chỉ là tiếng thơ đầy sức sống của một người nữ đắm say, ham học hỏi, sống tận độ với những cảm xúc của mình trong làn gió cởi mở những năm đầu thế kỷ XXI mà còn là tiếng thơ giàu trăn trở về lịch sử, đất nước và con người Việt Nam. Từ những tập thơ đầu tiên cho đến những sáng tác bằng Anh ngữ sau này, Quế Mai thể hiện sự quan tâm đến các vấn đề của xã hội Việt Nam hậu chiến, trong đó nổi bật là việc hàn gắn vết thương chiến tranh, hòa hợp, hòa giải dân tộc. Trong phạm vi bài viết này, dựa theo đề xuất nghiên cứu về “kí ức công bằng” của Viet Thanh Nguyen, người viết cho rằng tác giả Nguyễn Phan Quế Mai đã dùng văn chương như một cách lên tiếng và can dự vào ký ức tập thể về chiến tranh Việt Nam nhằm phơi lộ nỗi đau ẩn giấu nơi những con người trải qua hoặc phải chịu tác động sâu sắc của chiến tranh, từ đó đề xuất tinh thần hàn gắn vết thương, hòa giải giữa các bên, các phía của cuộc chiến.

## 2. NỘI DUNG

### 2.1. “Ký ức công bằng” trong việc khắc họa nỗi đau hậu chiến

Trong cuốn sách nổi tiếng *Nothing Ever Dies: Vietnam and Memory of War*, nhà văn, nhà nghiên cứu người Mỹ gốc Việt Viet Thanh Nguyen đưa ra một nhận định nổi tiếng: “Mọi cuộc chiến đều được giao tranh hai lần, một lần trên bãi chiến trường và lần thứ nhì trong ký ức” [1, tr.4]. Nhận định này cho thấy ký ức chiến tranh không chỉ là vấn đề của lịch sử đã qua mà là vấn đề của hiện tại, của việc nhớ về cuộc chiến tranh như thế nào, nhớ khía cạnh gì và nhớ trong một tầm nhìn ra sao. Ký ức chiến tranh chính là một nguồn lực quan trọng góp phần định vị bản sắc một cá nhân, một cộng đồng, một quốc gia dân tộc, như Viet Thanh Nguyen viết “vấn đề nhớ như thế nào về chiến tranh là trung tâm cho căn cước quốc gia” [1, tr.5]. Tầm quan trọng đó khiến mỗi quốc gia đều cố gắng nắm chĩnh, tái tạo hoặc can thiệp vào ký ức tập thể của cộng đồng dân tộc nhằm điều hướng ký ức theo một tầm nhìn chiến lược chung. Để khắc phục những thiên lệch này, Viet Thanh Nguyen đề xuất một “ký ức công bằng” (just memory), tức một thái độ đạo đức khi nói về ký ức, xuất phát từ cái nhìn khách quan, công bằng, không thiên lệch khi nhìn nhận chính mình và nhìn nhận người khác. Ký ức công bằng làm nền tảng cho sự hiểu biết lẫn nhau, từ đó tạo tiền đề cho sự hàn gắn và hòa hợp giữa các bên và các phía của cuộc chiến.

Vận dụng đề xuất về “ký ức công bằng” của Viet Thanh Nguyen vào sáng tác thơ ca tiếng Việt của Nguyễn Phan Quế Mai, có thể thấy, những vần thơ viết về nỗi đau hậu chiến của tác giả không tách rời với tầm nhìn về con đường phát triển mới của đất nước trong giai đoạn hậu chiến, khi quá khứ chiến tranh cần được gác lại để đón nhận công cuộc toàn cầu hóa, mở rộng quan hệ hữu nghị với tất cả các quốc gia trên thế giới. Sống trọn vẹn trong bối cảnh chuyển mình của đất nước, nhất là từ sau Đại hội VI của Đảng Cộng sản Việt Nam, khi Đảng xác định mục tiêu đổi mới toàn diện đất nước về cả kinh tế, văn hóa, chính trị, xã hội, Nguyễn Phan Quế Mai được thừa hưởng không khí Đổi mới, nhờ đó hình thành một nhãn quan rộng mở về thời cuộc. Song, những nhận thức lịch sử - xã hội của cô không chỉ đến từ bên ngoài môi trường sống mà là nhận thức từ bên trong, khi những trải nghiệm tuổi thơ in hằn những suy tư về đất nước. Là một người di cư từ nhỏ, 4 tuổi đã theo gia đình chuyển từ Bắc vào Nam ngay sau cuộc chiến, cô chứng kiến những vết thương chưa lành của một đất nước oằn mình hứng chịu hậu quả tàn khốc của chiến tranh. Khi sống tại miền Nam, Quế Mai nhìn rõ hơn những sang chấn tâm lý của con người Việt Nam hậu chiến, sự ngăn cách, nghi kỵ khó tránh khỏi giữa người miền Bắc và miền Nam. Nhờ năng lực ngoại ngữ giỏi, Nguyễn Phan Quế Mai du học rồi trở về đất nước, tham gia nhiều tổ chức quốc tế, có cơ hội gặp gỡ với nhiều cựu binh nước ngoài đã tham chiến tại Việt Nam, được lắng nghe các cựu binh tâm sự, nhiều lần cùng họ trở lại thăm chiến trường xưa tại các địa điểm nổi tiếng tại Việt Nam như Ngã ba Đồng Lộc, Quảng Trị, Mỹ Lai,... Nhờ sự tiếp xúc rộng mở đó, cô hiểu thêm không chỉ nỗi đau của nhân dân Việt Nam mà còn nỗi đau, sự thương tổn và những mặc cảm của những người từng ở phía bên kia chiến tuyến. Tất cả những điều này được Nguyễn Phan Quế Mai thể hiện trọn vẹn trong thơ. Thơ ca vì thế không đơn thuần là tiếng lòng hay cảm xúc, nó là nơi cô bày tỏ quan điểm và góc nhìn của mình về các vấn đề thời cuộc, trong đó, việc nhìn nhận về nỗi đau hậu chiến và nỗ lực hàn gắn là vấn đề trọng tâm trong những ưu tư thế sự của cô.

### 2.2. Hòa giải nỗi đau và tinh thần hòa giải mối quan hệ Việt – Mỹ

Là một người sinh ra trong bối cảnh hậu chiến, Đổi mới và toàn cầu hóa, Nguyễn Phan Quế Mai trước hết thể hiện cái nhìn toàn diện về hậu quả của chiến tranh ở tất cả các bên, các phía của cuộc chiến. Cái nhìn thấu hiểu nỗi đau của nhau là cơ sở và nền tảng quan trọng nhất cho tinh thần hòa giải, hòa hợp và hàn gắn giữa các bên tham chiến.

Trước hết, là một người con của đất nước Việt Nam, Quế Mai dành nhiều sự tưởng nhớ đến nỗi đau hậu chiến trong lòng đất nước và con người Việt Nam. Chủ yếu được viết khoảng những năm 2010, những bài thơ của Nguyễn Phan Quế Mai thường dựa trên những chuyến đi về các vùng đất lịch sử, những tiếp xúc có thật với những con người bị tổn thương vì chiến tranh. Mỗi bài thơ, chẳng hạn *Hai nửa trời và đất, Đồng Lộc, Quảng Trị, Quê nội, Hai nẻo trời và đất, Thời gian trắng...* đều xuất phát từ một cảnh đời, một số phận, ẩn chứa niềm đau riêng trong nỗi đau hậu chiến chung của cả dân tộc. Cảm hứng về nỗi đau được cô đặc biệt nhấn mạnh trong cảnh quan địa lý cũng như tâm hồn con người Việt Nam.

Chiều kích không gian của chấn thương được thể hiện qua việc nhà thơ nhắc đến nhiều địa danh nổi tiếng như Đồng Lộc, Quảng Trị, Mỹ Lai, có khi được thể hiện bằng cách gọi trung tính, phiếm chỉ (đất nước). Việc tạo dựng tính không gian cho chấn thương bằng các địa danh có thật là một thủ pháp quan trọng giúp tăng sức nặng cho việc diễn tả di chứng nặng nề của chiến tranh, bởi Đồng Lộc, Quảng Trị hay Mỹ Lai đều là những chiến trường ác liệt bậc nhất trong lịch sử chiến tranh Việt Nam.

Về thăm ngã ba Đồng Lộc, nơi 10 cô gái thanh niên xung phong bị chôn vùi trong đất đá bom đạn, nhà thơ cảm nhận: “Hoa không ngăn nổi mình chảy dòng tang trắng/ Cỏ không ngăn nổi mình trào nếm mộ xanh”. Mỗi sinh linh, tạo vật hay hoa cỏ nơi đây như mọc lên từ chết chóc. Ngay cả những “con gió trắng bay qua cồn cát” cũng mang trong mình âm vọng từ quá khứ: “Con gió trắng hát mười bài hát: Võ Thị Tần, Hồ Thị Cúc, Võ Thị Hời, Nguyễn Thị Xuân, Dương Thị Xuân, Trần Thị Rạng, Hà Thị Xanh, Nguyễn Thị Nhỏ, Võ Thị Hà, Trần Thị Hường”. Việc liệt kê đủ tên họ của mười cô gái đã khuất chính là cách để nhà thơ tưởng nhớ, khắc ghi những mất mát, những tổn thất không gì đo đếm được của những cô gái đã dâng hiến tính mạng cho hòa bình. Không gian đã không đơn thuần là cảnh quan địa lí, đó là nơi lưu giữ ký ức, nơi yên nghỉ của biết bao con người Việt Nam ngã xuống cho hòa bình.

Trên cái nền không gian đó, Nguyễn Phan Quế Mai nhìn ra những mất mát đau thương của con người Việt Nam thời hậu chiến. Đó trước hết là sự chia cắt và nỗi đau không gì bù đắp được của những cá nhân đã mất người thân trong chiến tranh: tình cảnh của người mẹ mất con, người con mất cha, người vợ mất chồng. Trong bài thơ *Quê nội*, nhà thơ đã gợi lại một cảnh tượng quen thuộc diễn ra hầu như khắp các miền quê Việt Nam: “Chiến tranh ập tới trai làng ra đi bóng người về lác đác nỗi đau trắng tạc trên tóc người mẹ”. Câu thơ gần như không được ngắt nhịp, viết liền mạch như cách viết của văn xuôi đã diễn tả một nỗi đau liên hoàn, gần như tự động: từ người trai làng “ra đi”, “bóng người về lác đác” cho đến người mẹ ở lại trắng tóc vì con. Câu thơ hé lộ không chỉ sự mất mát của mạng sống con người, những người lính trẻ hiến mình cho Tổ quốc mà là nỗi đau hậu chiến cam lạng, kéo dài của những bà mẹ Việt Nam. “Nỗi đau trắng” trở thành một biểu tượng nghệ thuật cho chấn thương hậu chiến, tô đậm sự mất mát khôn nguôi của những bà mẹ mất con, mãi sống với khoảng trống ngay cả khi đất nước đã hòa bình.

Trong khi đó, bài thơ *Quảng Trị* gợi lại câu chuyện ám ảnh về một người phụ nữ điên bị mất cả chồng lẫn con trong chiến tranh: “Người mẹ chạy về phía chúng tôi/ Tên hai đứa con tràn hai hốc mắt/ Mẹ gào lên “con tôi ở đâu?”/ Người mẹ chạy về phía chúng tôi/ Tên chồng mẹ lõm sâu lồng ngực/ Mẹ gào lên “trả chồng cho tôi”/ Nắng héo đôi vai/ Xác xơ tóc trắng”. Theo chia sẻ của Nguyễn Phan Quế Mai, bài thơ được viết trong một lần cô về thăm Quảng Trị cùng những người bạn Úc da trắng, tóc vàng và gặp một người phụ nữ đã mất cả chồng lẫn con trong trận bom Mỹ dội xuống Quảng Trị - một cú sốc quá lớn khiến bà hóa điên. Câu chuyện có thật được truyền tải vào ngôn ngữ của thơ ca một lần nữa cho thấy Nguyễn Phan Quế Mai coi trọng sự thật và dùng văn chương như một cách để lưu giữ ký ức. Diễn tả nỗi đau của người phụ nữ, Quế Mai đã dùng thân thể con người như một cách hữu hiệu để nói lên sự tàn phá khủng khiếp của chiến tranh. Nỗi đau hiện diện từ đôi mắt đăm đăm tìm con (“Tên hai đứa con tràn hai hốc mắt”) cho đến lồng ngực (“Tên chồng mẹ lõm sâu lồng ngực”). Nghệ thuật đối và việc sử dụng từ ngữ chất lọc đã thể hiện nỗi đau thống thiết bao trùm cơ thể người phụ nữ, khiến cơ thể cô hoàn toàn bị chiếm dụng và tàn phá bởi nỗi đau. Cùng với thân thể, ngôn từ mất kiểm soát (“gào lên” với người lạ: “con tôi ở đâu?”, “trả chồng cho tôi”) chính là biểu hiện của chứng tâm thần phân liệt, hậu quả của nỗi đau vượt ngưỡng, nỗi đau đã khiến người phụ nữ mất hết lý trí và sự tỉnh táo để nhận ra rằng chiến tranh đã trôi qua hơn ba mươi năm và những người du khách da trắng này không liên quan gì và càng không thể biết chồng và con bà đang ở đâu. Với việc diễn tả hội chứng sang chấn tâm lý hậu chiến này, Quế Mai cho thấy nỗi đau chiến tranh vẫn chưa hề chấm dứt trên quê hương Việt Nam đương đại.

Trong khi đó, bài thơ *Hai nẻo trời và đất* lại đề cập đến nỗi đau của những người con mất cha. Bài thơ cũng được viết từ một câu chuyện thực tế, khi nhà thơ chứng kiến bạn mình lặn lội đi tìm mộ cha suốt bao nhiêu năm trời: “Bao chuyến đi xuyên qua rừng núi, bao nỗ lực đều vô vọng. Mẹ của Trung ngày một già đi và có ước ao duy nhất trước ngày bà nhắm mắt xuôi tay: tìm được hài cốt của chồng” (Nguyễn Phan Quế Mai, 2025). Từ việc tìm mộ của bạn, nhà thơ đã tạo dựng cuộc

kiếm tìm ở cả hai phía: người con tha thiết đi tìm cha trên trần gian trong khi linh hồn người cha dưới cõi âm cũng mãi miết tìm con: *“Những đứa con chưa biết mặt cha/ Những người cha không thể trở về nhà/ Tiếng gọi “con” còn sâu trong ngực/ Tiếng gọi “cha” hơn bốn mươi năm thao thức/ Đêm nay tôi nghe thấy tiếng chân cha và con từ hai nẻo trời và đất/ Những bước chân rần rật/ lần tìm về nhau/ những bước chân cạn máu/ lạc nhau qua triệu dặm trường”*. Việc mở ra cả hai chiều kích tâm linh và trần thế của cuộc kiếm tìm thể hiện sự thấu cảm vượt khoảng cách âm - dương, gửi gắm nỗi xót thương không chỉ dành cho người sống mà còn dành cho linh hồn người đã khuất.

Viết với cảm hứng xót thương, đồng cảm cho những nạn nhân của chiến tranh, Nguyễn Phan Quế Mai đã khơi gợi những hình bóng khác nhau của chiến tranh trong lòng xã hội Việt Nam đương đại. Trong bối cảnh đời sống hiện đại và hội nhập quốc tế sâu rộng đầu thế kỷ XXI, thơ của Quế Mai cho thấy vẫn còn có những số phận vô danh bị tổn thương vĩnh viễn vì chiến tranh. Ghi nhớ về chiến tranh và nhắc nhở về những tổn thương trở thành một thực hành của lương tri xã hội, nhất là khi nhịp sống hiện đại chỉ muốn đẩy con người ta dần bước về phía trước mà quên đi những tổn thất, những mất mát trong quá khứ. Nhớ về những tổn thất của đất nước, của đồng bào mình chính là tiếng nói của lương tri, là sự thực hành đạo đức nhằm xoa dịu nỗi đau quá khứ, kết nối quá khứ để vững vàng hơn trong tương lai.

Không chỉ thấu hiểu nỗi đau hậu chiến nơi những con người Việt Nam, Nguyễn Phan Quế Mai còn hướng đến thấu hiểu sự tổn thương của những cựu binh Hoa Kỳ đã tham chiến tại Việt Nam. Việt Nam và Mỹ có chung một lịch sử chiến tranh khốc liệt và dai dẳng, bởi vậy, Nguyễn Phan Quế Mai đã sử dụng ký ức chiến tranh làm nền tảng để soi chiếu cách thức tiến tới hòa giải mối quan hệ này.

Được viết trong bầu không khí hợp tác và giao lưu quốc tế, những bài thơ của Nguyễn Phan Quế Mai thể hiện cái nhìn thân thiện dành cho người Mỹ, nhìn người Mỹ như người bạn. Trong nhiều bài thơ, chẳng hạn *Với một cựu binh Mỹ*, *Viết ở miền Nam*, *Quảng Trị*, Nguyễn Phan Quế Mai xây dựng những cuộc đồng hành, những chuyện trò thân mật giữa người cựu binh Mỹ và nhân vật “tôi” thuộc thế hệ trẻ Việt Nam. Nhờ sự thân mật đó, người lính Mỹ hiện lên như những cá thể phức tạp, những con người đang vật lộn với chấn thương hậu chiến.

Trong bài thơ *Với một cựu binh Mỹ*, nhà thơ đã phác họa những “tròng trành”, “cuộn sóng” trong dáng ngồi “lặng im” của một cựu binh Mỹ, báo hiệu niềm đau khổ không thể cất thành lời đang vây bủa tâm hồn ông: *“Ông chẳng thể giải thích lý do của cuộc chiến/ Vì sao người thân tôi phải ngã xuống/ Vì sao bao trẻ thơ vẫn bị cầm tù trong nỗi đau chất độc da cam/ Nếu ông kể thì tôi cũng chẳng thể chạm được vào màu trắng của những đám tang/ Đã ghi dấu trên tóc ông/ Đã tạc vào đôi mắt ông/ đang chìm tôi xuống chiếc phễu khổng lồ không đáy”*. Nguyễn Phan Quế Mai đã dựng lại dư chấn của “một cuộc chiến tranh đang sống dậy” đối với người cựu binh Mỹ ngay trong bối cảnh hòa bình. Người cựu binh trong bài thơ luôn ám ảnh bởi tội lỗi, bởi những tấn chất độc da cam mà ông rải xuống mảnh đất này vẫn đang đầu độc, giết chết tương lai những thế hệ trẻ em Việt Nam. Nỗi day dứt về tội ác thường trực vằn vện, tra tấn, hành hạ tâm can ông, khiến “hằng đêm ông vẫn phải sống sót những giấc mơ”, do đó, “Chiến tranh chưa bao giờ bị bỏ quên/ Chiến tranh chưa bao giờ chấm dứt”.

Trong một tác phẩm khác, *Viết ở miền Nam*, nhà thơ tái dựng thử thách tâm lý của một cựu binh Mỹ bị sang chấn tâm lý hậu chiến khi đối diện với cuộc sống hòa bình tại Việt Nam. Người cựu binh đó triền miên sống trong nỗi ám ảnh về cuộc chiến mà ông trực tiếp can dự: “Những cơn ác mộng mỗi ngày đã nhấn chìm ông/ và nỗi sợ hãi về những người Việt Nam sẽ cầm dao chạy theo ông trên phố”. Mặc cảm tội lỗi đã thôi thúc ông về thăm lại chiến trường Mỹ Lai sau hơn bốn mươi năm mất ngủ. Nỗi căng thẳng tội đồ và sự ám ảnh về tội ác đã ngăn cản ông thưởng thức vẻ đẹp của cuộc sống thời bình ở Việt Nam, nơi *“Những người phụ nữ gánh đôi thùng đầy hoa trên vai gầy/ Những người đàn ông chờ mùa xuân trên phố bằng xe xích lô/ Những em gái khúc khích cười trên đường đến lớp/ Tà áo dài bay lên trắng những cánh bồ câu”*. Thay vào đó, sau mấy chục năm, ông vẫn chỉ thấy “nơi đây từng là chiến trường”. Sang chấn khiến ông mất hoàn toàn khả năng phân biệt ranh giới giữa thời chiến và thời bình, đưa đến những ảo giác căng thẳng. Chỉ cần thấy một trái cầu mà lũ trẻ chơi trên đường phố cũng đủ khiến ông “hốt hoảng lùi về phía sau” vì ngỡ tưởng người

Việt Nam đang tấn công để trả thù những tội ác mà ông đã gây nên trên mảnh đất này. Đó là phản ứng thường thấy của một người bị cầm tù, bị mắc kẹt trong mặc cảm tội lỗi.

Những cựu binh Mỹ trong thơ Nguyễn Phan Quế Mai mắc kẹt vào quá khứ. Họ hiện lên vừa là người thực thi chủ nghĩa bá quyền của nước Mỹ, vừa là nạn nhân của chính cuộc chiến ấy. Điều đáng nói, trong khi miêu tả thế giới tinh thần người cựu binh Mỹ, nhà thơ đã chú ý đến khía cạnh đạo đức trong việc ghi nhớ quá khứ, được thể hiện ở ý thức không khoan nhượng về tội ác mà chính mình gây nên cho đất nước Việt Nam, điều này khơi gợi sự thấu hiểu và cảm thông nơi người đọc Việt Nam, thay vì giận dữ hay lên án. Đây chính là nền tảng quan trọng cho tiến trình hòa giải mối quan hệ Việt - Mỹ.

Viết về người cựu binh Mỹ, Nguyễn Phan Quế Mai cũng gợi ra một viễn kiến cho sự hòa giải mối quan hệ Việt - Mỹ qua việc khắc họa cách giải quyết món nợ quá khứ giữa hai đất nước. Bên cạnh việc xây dựng một mối quan hệ chân thành, tin cậy giữa người Mỹ và người Việt, sự đối thoại và không khí cởi mở để thấu hiểu nhau thì lòng can đảm bước qua ám ảnh đau thương của quá khứ và sự rộng lượng của đất nước và con người Việt Nam chính là những yếu tố then chốt. Trong bài thơ *Viết ở miền Nam*, Quế Mai xây dựng một tình huống đầy lắt léo: Khi thấy những đứa trẻ Việt Nam chơi cầu, người đàn ông Mỹ do hội chứng sang chấn tâm lý đã “hốt hoảng lùi về phía sau khi quả cầu lao tới”, “đông cứng” vì “sợ hãi”. Tiếng thúc giục của lũ trẻ: “Đá đi! Bác ơi! - những đứa trẻ gọi/ đôi tay của chúng mở ra” đã cắt đứt mạch hoang tưởng, giúp người cựu binh già tỉnh thức, kéo ông trở về thực tại: “Bất chợt chân ông tung về phía trước/ quả cầu vút lên trên/ ánh sáng”. Quế Mai sử dụng nhân vật trẻ em Việt Nam như là hiện thân của thế hệ mới, là sứ giả của hòa bình, của tinh thần hướng đến tương lai. Cảm nhận được sự mở lòng của những con người Việt Nam đó, người cựu binh Mỹ mới có đủ can đảm và sự an tâm để bước ra khỏi bóng đen của quá khứ, xóa đi mặc cảm tội lỗi để sống trọn vẹn hơn trong hiện tại.

Tuy nhiên, thơ Nguyễn Phan Quế Mai cũng cho thấy không phải khi nào sự mở lòng cũng dễ dàng như thế, nhất là khi người dân Việt Nam vô tội phải gánh chịu những hậu quả tàn khốc của chiến tranh do người Mỹ gây nên. Trong bài thơ *Bức tường chiến tranh Việt Nam*, nhà thơ thực hiện cuộc hoán đổi khi xây dựng nhân vật “tôi” đặt chân lên nước Mỹ, đi thăm bức tường đen khổng lồ tại thủ đô Washington DC, nơi khắc ghi 58.267 cái tên lính Mỹ đã chết trong chiến tranh Việt Nam. Điều kỳ lạ là khi đứng trước hàng vạn cái tên của lính Mỹ tử trận, cô không nhìn thấy nước Mỹ mà chỉ thấy nỗi đau đớn của dân tộc Việt Nam: “Vết giày họ còn loang vết máu/ Tôi muốn chôn họ thêm lần nữa/ chất độc da cam rực lên màu lửa/ Phan Thị Kim Phúc bốc cháy băng qua những hàng tên”. Lòng căm hận và hành động trả thù bằng ngôn từ “Tôi muốn chôn họ thêm lần nữa” chính là quán tính thường thấy của một chủ thể tự nội hóa tất cả những tổn thất mà dân tộc mình phải gánh chịu. Trong suy nghĩ của cô, hàng vạn binh sĩ tử trận này chính là kẻ thù. Họ đã chết, nhưng tội ác mà họ gây nên không bao giờ được tẩy xóa khỏi tâm trí người Việt Nam. Chỉ đến cuối bài thơ, khi nhân vật “tôi” nhìn thấy bông hồng đỏ thắm cùng bức thư của một người con gửi cho người cha Mỹ tử trận: “Cha ơi, hôm nay là sinh nhật con gái con. Ước gì cha ở đây để cùng cháu thổi nến mừng tuổi mới. Không ngày nào con không nghĩ đến cha. Tại sao cha ơi? Tại sao cha phải đến Việt Nam, tại sao cha phải chết?”, mạch cảm xúc của bài thơ mới thay đổi hoàn toàn. Thay vì chỉ trích và giận dữ trước tội ác của những người lính Mỹ, nhân vật “tôi” đã trỗi dậy lòng từ bi và niềm trắc ẩn: “Tôi nghe từ trong lòng đất âm u hình thù của những người cha Mỹ bế những đứa con thơ. Hốc mắt họ quầng sâu hố bom, trái tim loang lổ vết đạn. Chất độc da cam dầm vào người họ. Dòng máu chảy loang kéo trôi những đứa con đang thét gào khỏi đôi tay”. Bức thư đưa đến nhận thức song song về sự mất mát của cả hai phía. Sự thảm khốc của chiến tranh hủy hoại cuộc sống yên bình của con người ở cả hai chiến tuyến. Nếu chiến tranh chia cắt những người thân Việt Nam thì cũng cắt lìa mối gắn kết cha - con, chồng - vợ của người Mỹ. Nếu chiến tranh để lại những tang thương không gì khỏa lấp cho những người mẹ Việt Nam mất con, người vợ Việt Nam mất chồng, người con Việt Nam mất cha, thì cũng từng đó đau thương song hành đối với những bà mẹ, người vợ và con thơ của người lính Mỹ. Bằng cách đặt song hành nỗi đau của những con người ở hai chiến tuyến trong cùng một cuộc chiến, nhà thơ đã mang đến cho chúng ta cái nhìn đa chiều, thấu cảm về hậu quả và nỗi mất mát của chiến tranh. Thơ Quế Mai khiến người đọc nhận ra rằng nếu chỉ nuôi lòng hận thù, ta chỉ dừng lại ở nắm mồi quá khứ. Nhưng nếu mở lòng để thấu hiểu nỗi đau của cả hai phía, chúng

ta sẽ có cơ hội hàn gắn để bước tới tương lai. Viết những vần thơ mang tinh thần hòa giải và sự thấu cảm, Nguyễn Phan Quế Mai đã góp phần hàn gắn cho những tổn thương giữa hai đất nước. Đó là những câu thơ có ý nghĩa bắc cầu cho mối quan hệ Việt - Mỹ, cho quá khứ và hiện tại, cho tội ác và tình thương.

### 2.3. Tưởng niệm những người Việt bị lãng quên, một đề xuất hòa giải dân tộc

Ở một phía khác, Nguyễn Phan Quế Mai thể hiện niềm trăn trở rất lớn đối với sự hòa giải giữa những người Việt Nam ở hai phía của cuộc chiến. Sinh ra tại miền Bắc nhưng di cư vào miền Nam khi chiến tranh vừa kết thúc, nhà thơ sớm thấu hiểu nỗi lòng và khoảng cách giữa hai miền Nam - Bắc. Vượt qua rào cản ban đầu, cô đã học nói giọng miền Nam để dễ dàng hòa nhập và từ đó hiểu thêm tâm tình con người miền Nam: “Tôi học được nhiều điều từ văn hoá của cả hai miền Nam - Bắc. Vì sống ở hai nơi, tôi có cơ hội được lắng nghe câu chuyện từ cả hai phía, thấy rõ những tổn thương mọi người phải chịu đựng từ việc chia cách, và biết được những nỗi niềm mãi mãi không nguôi ngoai dù chiến tranh đã kết thúc. Có nhiều thứ vẫn còn đang âm ỉ tiếp diễn” (Paul Christiansen, 2021).

Trong số các bài thơ viết bằng tiếng Việt, Nguyễn Phan Quế Mai có hai bài thơ đề cập đến những người Việt Nam ra đi trước và sau năm 1975, đó là những đứa trẻ sơ sinh được di tản ngay trước khi Sài Gòn thất thủ (được gọi là *babylift*) và những đứa trẻ thuyền nhân ra đi sau khi chiến tranh kết thúc. Đây đều là những câu chuyện bị khuất lấp trong lịch sử, hiếm khi được nhắc đến trong diễn ngôn chính thống. Tuy nhiên, để không bỏ sót bất cứ nỗi đau của phía nào của cuộc chiến, nhà thơ đã trực tiếp ký ức về những nạn nhân trẻ em miền Nam Việt Nam trong cơn bão táp của lịch sử để làm lộ ra những chấn thương ở mọi đối tượng có liên đới với cuộc chiến.

Cũng như nhiều bài thơ khác, *Babylift* được viết dựa trên một câu chuyện có thật nhưng ít người biết đến, đó là Chiến dịch Không vận Cô nhi được tiến hành rầm rộ trong những ngày cuối cùng của chiến tranh Việt Nam. Hơn 3.000 trẻ em Việt Nam được cho là trẻ mồ côi đã được vận chuyển bằng đường hàng không từ Sài Gòn đến các nước Mỹ, Pháp, Canada... để trở thành con nuôi trong những gia đình tại các quốc gia này. Tuy nhiên, nhiều trẻ em trong đó không phải là trẻ mồ côi, nhiều đứa trẻ sau này đã trở về Việt Nam tìm lại cha mẹ. Theo chia sẻ của tác giả, bài thơ được viết sau khi cô đọc tin tức về sự trở về của những người con xa xứ năm xưa: “Ngày 5-4-2010, cầm trên tay tờ báo *Tuổi Trẻ*, tôi rơi nước mắt khi đọc câu chuyện về chuyến trở về Việt Nam để tìm lại người thân của gần 100 trẻ *babylift*. Ngày *Tuổi Trẻ* tổ chức giao lưu giữa các trẻ *babylift* và những người thất lạc con cái trong giai đoạn chiến tranh Việt Nam, đã có bao người mẹ, người cha lặn lội hàng trăm cây số, thức trắng đêm để mong có cơ hội được gặp đứa con thất lạc của mình. Tôi quyết định tìm đọc những bài phóng sự khác về *babylift*. Sau khi nhìn thấy đoàn *babylift* giao lưu trong chương trình truyền hình ‘Như chưa hề có cuộc chia ly’, tôi đặt bút viết bài thơ *Babylift*” [5]. Bằng cái nhìn rộng mở, không thành kiến, thấm đẫm tình yêu thương, Nguyễn Phan Quế Mai thể hiện sự xót thương cho những đứa trẻ - những nạn nhân bị bàn tay chiến tranh sắp đặt số mệnh khi còn thơ bé: “Nhắc bỗng, quãng vào một thế giới khác/ Một xứ sở khác, một vòng tay khác/ Những phận trẻ thơ ngơ ngác/ Da bóc khỏi cuộc di tản”. *Babylift* trong thơ cô hiện lên như những đứa trẻ không thể tự định đoạt cuộc đời của mình, phải suốt đời sống với nỗi khoắc khoải, dằn vặt về căn cước: “Tóc không vàng. Da không trắng. Miệng không/ tiếng Việt/ Không bơ sữa nào có thể trả lời cho câu hỏi dài hơn 35 năm, sâu hơn 12.775 ngày/ ‘Tôi là ai?’”. Cuộc di tản vội vã đã biến những đứa trẻ trở thành những thực thể không thuần nhất, mang căn tính lai ghép, khó kết nối với cội nguồn, quê hương, thậm chí không biết đến vòng tay của cha mẹ. Nhà thơ nhìn thấy đằng sau sự lớn lên của các *babylift* là một nỗi đau và khoảng trống không gì bù đắp được: “Không vòng tay cưu mang nào ướm vừa vòng tay cha mẹ/ Không xét nghiệm ADN nào có thể nối họ với cội nguồn/ Mái tóc đen không nghĩ bằng tiếng Việt”. Bằng những vần thơ này, Nguyễn Phan Quế Mai đã chứng nhận nỗi đau và cất tiếng đồng cảm với họ, những đứa con bị bứng rễ khỏi quê cha đất tổ, mãi mắc kẹt trong hành trình kiếm tìm bản sắc và luôn khát khao được kết nối với nguồn cội.

Tương tự như vậy, viết bài thơ *Cô bé thuyền nhân*, Nguyễn Phan Quế Mai không ngần ngại nhắc đến một phần lịch sử bị khuất lấp và có nguy cơ bị lãng quên trong ký ức tập thể tại Việt Nam. Bài thơ gọi đến Hương, một “cô bé thuyền nhân”, “người bạn ấu thơ” mang mùi thơm của ổi, đã rời

khỏi đất nước vào “mùa hè chín mọng năm 1986” trên “chiếc thuyền trôi Hương vào đêm đặc quánh/ của đại dương đen” để rồi vui mình giữa biển khơi. Cái chết của Hương chỉ là một trong rất nhiều cái chết trên đường vượt biên những năm tháng ấy: “Hương chỉ là một trong những cái tên/ trong hàng trăm nghìn thuyền nhân/ lênh đênh giữa đại dương”. Biết tin Hương từ mẹ cô - người giờ đã “sống một cuộc đời khác/ dưới một cái tên khác - Elizabeth”, nhân vật trữ tình trong bài thơ còn nguyên đó nỗi thương cảm không gì bù đắp được: *“Tôi đến thăm bà, lòng bàn tay đầy ắp những quả ôi/ được vớt dưới vòm trời đầy sao/ của đêm năm xưa/ hương thơm của chúng vẫn đốt cháy những ngón tay tôi/ sau ba mươi năm/ tôi đã muốn nói với bà điều ấy/ nhưng không thể cất lời/ vì trong nỗi đau đang cuộn sóng trong mắt bà/ tôi thấy Hương đang vắt vẻo trên một cành cây bị gãy làm đôi”*. Bài thơ không chỉ gọi nỗi đau về Hương, cô bé thuyền nhân bỏ mình trong sóng biển mà còn khắc sâu nỗi đau của những người ở lại, “nỗi đau đang cuộn sóng trong mắt” người mẹ đã vượt biên thành công, đang sống cuộc đời mới, nỗi đau “không thể cất lời” của người bạn ở quê nhà vẫn mãi lưu giữ tình bạn với Hương. Diễn tả nỗi đau nhân ba này, nhà thơ đã thể hiện sự nặng lòng đối với những người phải bỏ quê hương ra đi và bỏ mạng trên biển. Đằng sau đó chính là mối ưu tư trước sự li tán và chia cắt của những người Việt Nam:

*ngày đó, tôi còn quá nhỏ để hiểu về sự chia ly  
và lý do tại sao đất nước tôi bị cắt làm hai khúc*

*Bắc và Nam*

*vì sao qua bao năm*

*máu chia ly vẫn còn đắng miệng.*

Viết cho người ra đi, lưu giữ cái tên cho một linh hồn bé bỏng tội nghiệp bị nuốt chửng bởi đại dương đen, nhà thơ đã khôi phục danh tính và câu chuyện mà khi xưa cô phải cố giữ “bí mật”. Bằng hành động viết, Quế Mai đã khắc ghi vào kho ký ức tập thể của người Việt một câu chuyện buồn bị thời gian xóa lấp, từ đó xoa dịu những nỗi đau của một bộ phận người Việt Nam trong tình thế phức tạp của lịch sử.

Cả hai bài thơ *Cô bé thuyền nhân* và *Babylift* đều gọi lên số phận bi kịch của những đứa trẻ ở miền Nam Việt Nam: nếu không bỏ mạng trong cuộc viễn xứ nghìn trùng thì cũng bị dứt ra khỏi nguồn cội. Viết về những đứa trẻ trong thời khắc bão tố của đất nước chính là cách để Nguyễn Phan Quế Mai khơi gọi lại những lịch sử nhỏ, những câu chuyện khuất lấp, những số phận dễ bị lãng quên. Bằng việc đề cập đến những gương mặt bị lịch sử che khuất, nhà thơ đánh thức lương tri người đọc, khơi gọi họ nhớ về một bộ phận người Việt Nam buộc phải rời bỏ hoặc bị nhắc khỏi Tổ quốc. Một ký ức công bằng, trong trường hợp này, chính là khắc ghi sự hiện diện của những thân phận bị thương bị vùi lấp trong dòng thời gian lịch sử nhằm bổ sung vào kho ký ức tập thể sự đa dạng và tính phức tạp của những câu chuyện trong lịch sử Việt Nam. Đây cũng chính là cách Nguyễn Phan Quế Mai thực hành sứ mệnh hòa giải dân tộc vốn là niềm trăn trở khôn nguôi trong lòng cô: “Khi viết văn, một trong những mục tiêu chính của tôi là đưa người Việt lại gần với nhau hơn. Chúng ta đã làm nhiều điều để hàn gắn mối quan hệ giữa người Việt và người Mỹ, nhưng giữa người Việt với nhau vẫn còn nhiều nỗi đau vẫn còn phải giấu kín, những vết thương chưa chữa lành. Tôi nghĩ văn học có sức mạnh hòa giải. Ngôn từ có thể giúp ta thấu hiểu và cảm thông với những người có trải nghiệm khác với chúng ta” (Paul Christiansen, 2021). Chủ đề này được cô tiếp tục theo đuổi và thể hiện trong hai cuốn tiểu thuyết *The Mountains Sing* (Sơn ca) và *Dust Child* (Đời gió bụi), sẽ là phạm vi khảo sát của nghiên cứu tiếp theo.

### 3. KẾT LUẬN

Toàn bộ phân tích trên cho thấy nỗi đau hậu chiến là một chủ đề đặc sắc trong thơ Nguyễn Phan Quế Mai, người luôn nỗ lực khám phá chiều sâu của lịch sử và tiếng gọi của cội nguồn, coi đó là tầm căn cước để cô đi vào dòng chảy văn chương toàn cầu. Từ quan điểm nhân văn, bao dung khi viết về quá khứ, từ điểm nhìn công bằng chính trực trong việc ghi nhớ và thấu hiểu cho nỗi đau của những thân phận người từ nhiều bên, nhiều phía, tác giả đã khơi dậy tinh thần hàn gắn vết thương chiến tranh và gửi đi thông điệp hòa bình để mỗi con người có thể bước qua quá khứ và hướng đến tương lai. Những câu thơ mang tinh thần hòa giải này trở thành gia tài quý giá để nhà thơ Nguyễn

Phan Quế Mai, khi dấn thân vào địa hạt văn chương Anh ngữ, tiếp tục khai phá và mở rộng hơn nữa trên con đường văn chương của mình.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Viet Thanh Nguyen. (2016). *Nothing Ever Dies: Vietnam and Memory of War*. Harvard University Press.
2. Nguyễn Phan Quế Mai. (2025). Màu hòa bình. *Tuổi trẻ Online*. <https://tuoitre.vn/mau-hoa-binh-2025042716182254.htm>.
3. Paul Christiansen. (2021). Gặp tác giả Nguyễn Phan Quế Mai - tác giả rút ngắn khoảng cách Bắc - Nam, trong nước - quốc tế. *Saigoneer*.  
<https://saigoneer.com/vn/literature/16926-g%E1%BA%B7p-t%C3%A1c-gi%E1%BA%A3-nguy%E1%BB%85n-phan-qu%E1%BA%BF-mai,-nh%C3%A0-th%C6%A1-r%C3%BAt-ng%E1%BA%AFn-kho%E1%BA%A3ng-c%C3%A1ch-b%E1%BA%AFc-nam,-v%C4%83n-h%E1%BB%8Dc-trong-n%C6%B0%E1%BB%9Bc-qu%E1%BB%91c-t%E1%BA%BF>
4. Phạm Xuân Nguyên. (2010). Lắng nghe Quế Mai. *Tuổi Trẻ cuối tuần*.  
<https://cuoituan.tuoitre.vn/lang-nghe-que-mai-402249.htm>

### POST-WAR PAIN AND THE SPIRIT OF RECONCILIATION IN NGUYEN PHAN QUE MAI'S POETRY

**Abstract:** Based on Viet Thanh Nguyen's proposal of "just memory" in the perception of war memories, the article analyzes post-war pain as a prominent inspiration, expressed through many poems in the collection "*Tổ quốc gọi tên mình*" by poet Nguyen Phan Que Mai. The unique point in the way the poet addresses this topic is the depiction of the pain of war of people from many sides of the war, from Vietnamese civilians to American veterans and their children as well as children from South Vietnam who were displaced before and after the end of the war. These poems have contributed to healing and reconciling the pain of war between Vietnam and the United States, between Vietnamese people with each other in the same historical trauma.

**Keywords:** Trauma; renovation; national reconciliation; just memory; post-war literature.